

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP
GIỮA NIÊN ĐỘ
CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11**

**6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC
NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015**

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 4
3. Báo cáo kết quả công tác soát xét	5
4. Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2015	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ cho 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015	11 - 12
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015	13 - 46

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sông Đà 11 (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Sông Đà 11 tiền thân là Doanh nghiệp Nhà nước được cổ phần hóa theo Quyết định số 1332/QĐ-BXD ngày 17 tháng 08 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 11 số 0500313811 ngày 16 tháng 6 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp được chuyển đổi từ giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0303000212 ngày 21 tháng 9 năm 2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Tây cấp.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã 11 lần được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do thay đổi ngành nghề kinh doanh, bổ sung vốn điều lệ và cơ cấu lại các đơn vị trực thuộc.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam.
- Điện thoại : 04 33 545 735
- Fax : 04 33 542 280

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- ✓ Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy ngành công nghiệp hóa chất, khai khoáng;
- ✓ Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác:
 - Xây dựng các công trình: Thủy điện, thủy lợi, giao thông và bưu điện;
 - Xây lắp hệ thống đường dây tải điện, trạm biến áp đến cấp điện áp đến 500 KV; xây lắp hệ thống cấp thoát nước đô thị và khu công nghiệp; xây lắp kết cấu công trình;
 - Kinh doanh xây dựng các khu đô thị, nhà cao tầng, khu công nghiệp;
 - Xây dựng và lắp đặt các nhà máy xử lý nước sạch và xử lý nước thải; xây dựng các nhà máy thủy điện;
- ✓ Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại. Chi tiết: Sản xuất kinh doanh kim khí, các sản phẩm về cơ khí;
- ✓ Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét. Chi tiết: Khai thác cát, sỏi, đá làm đường và xây dựng;
- ✓ Vận tải hành khách đường bộ khác. Chi tiết: Kinh doanh vận tải và dịch vụ du lịch: vận tải hàng hóa đường bộ;
- ✓ Lắp đặt hệ thống điện. Chi tiết: Lắp đặt hệ thống cơ điện lạnh, điện chiếu sáng của các tòa nhà cao tầng, khu đô thị và khu công nghiệp;
- ✓ Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí. Chi tiết: Lắp đặt hệ thống thông gió, điều hòa thông tin và điều khiển của các tòa nhà cao tầng, khu đô thị và khu công nghiệp;
- ✓ Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Cung cấp, mua bán, lắp đặt các thiết bị phòng cháy chữa cháy và hệ thống phòng cháy chữa cháy.
- ✓ Lắp đặt hệ thống xây dựng khác. Chi tiết: Xây lắp, thí nghiệm, hiệu chỉnh, bảo dưỡng lắp ráp: Tủ bảng điện công nghiệp cho đường dây, nhà máy điện, trạm biến áp và cho các dây chuyền công nghệ có cấp điện áp đến 500KV;
- ✓ Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Hoạt động kinh doanh bất động sản; Dịch vụ quản lý, vận hành cơ sở hạ tầng, khu đô thị và nhà cao tầng;
- ✓ Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Xuất khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh (trừ các mặt hàng Nhà nước cấm); Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư thiết bị, phương tiện vận tải cơ giới, phụ tùng cơ giới phục vụ thi công xây dựng và công nghệ xây dựng;
- ✓ Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia. Chi tiết: Sản xuất và kinh doanh bia (bia hơi, bia tươi, bia chai và bia hộp).

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Nguyễn Văn Sơn	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 7 tháng 6 năm 2014
Ông Trần Văn Ngự	Phó chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 7 tháng 6 năm 2014
Ông Lê Văn Tuấn	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 7 tháng 6 năm 2014
Ông Phạm Viêt Cường	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 7 tháng 6 năm 2014
Ông Dương Hoài Nam	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 7 tháng 6 năm 2014

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Bà Nguyễn Thị Tuyết Trinh	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 19 tháng 12 năm 2014
Ông Đặng Xuân Thư	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 7 tháng 6 năm 2014
Ông Nguyễn Vũ Hải	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 7 tháng 6 năm 2014

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Lê Văn Tuấn	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 07 tháng 6 năm 2014
Ông Nguyễn Hữu Hải	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 24 tháng 11 năm 2011
Ông Nguyễn Mạnh Hà	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 3 năm 2006
Ông Phạm Lạp	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 8 năm 2010
Ông Vi Giang Khu	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2014

Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Lê Văn Tuấn (bổ nhiệm ngày 07 tháng 6 năm 2014).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.
- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



Lê Văn Tuấn
Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 8 năm 2015



**BAKER TILLY
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C
A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



Headquarters : 2 Truong Son St., W. 2, Tan Binh Dist., Ho Chi Minh City
Tel: (84.8) 3 5472972 - Fax: (84.8) 3 5472970
Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City
Branch in Nha Trang: 18 Tran Khanh Du St., Nha Trang City
Branch in Can Tho : 162C/4 Tran Ngoc Que St., Can Tho City
www.a-c.com.vn

Số: 387/2015/BCTC-KTTV

**BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT
VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ 6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI
CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11**

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Công ty Cổ phần Sông Đà 11 (sau đây gọi tắt là “Công ty”) gồm: Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015, được lập ngày 25 tháng 8 năm 2015, từ trang 06 đến trang 46 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ không còn chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

**Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C
Chi nhánh Hà Nội**



Nguyễn Thị Tư - Phó Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0059-2013-008-1

Trần Kim Anh - Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 1907-2013-008-1

Hà Nội, ngày 25 tháng 8 năm 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		395.620.262.784	437.191.334.877
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	30.367.946.189	47.370.856.667
1. Tiền	111		30.367.946.189	47.370.856.667
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		11.631.703.263	13.420.650.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121	V.2a	17.749.000.000	17.749.000.000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	V.2a	(6.117.296.737)	(4.328.350.000)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		251.323.514.723	286.724.583.519
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3a	241.226.306.511	286.294.865.341
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	14.569.949.796	22.316.569.691
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	30.135.952.587	22.764.781.612
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(34.658.694.171)	(44.701.633.125)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	V.7	50.000.000	50.000.000
IV. Hàng tồn kho	140		101.894.049.436	89.127.335.334
1. Hàng tồn kho	141	V.8	101.894.049.436	89.127.335.334
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		403.049.173	547.909.357
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9a	263.287.917	155.339.439
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		139.761.256	392.569.918
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		222.741.000.871	181.842.450.379
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		33.132.727.375	9.480.126.711
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.3b	33.085.227.375	9.480.126.711
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.10	47.500.000	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		98.872.314.999	99.854.622.007
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.11	98.385.694.999	99.339.177.418
<i>Nguyên giá</i>	222		179.590.182.092	174.382.632.092
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(81.204.487.093)	(75.043.454.674)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.12	486.620.000	515.444.589
<i>Nguyên giá</i>	228		2.216.090.426	2.216.090.426
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(1.729.470.426)	(1.700.645.837)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.15	160.162.300	126.320.000
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.13	160.162.300	126.320.000
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		89.752.798.632	70.251.773.480
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.2b	70.251.773.480	70.251.773.480
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2b	28.714.300.000	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.2b	(9.213.274.848)	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		822.997.565	2.129.608.181
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9b	822.997.565	2.129.608.181
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		618.361.263.655	619.033.785.256

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		370.687.136.395	377.025.484.238
I. Nợ ngắn hạn	310		279.262.967.893	349.090.366.727
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.14a	79.246.795.523	104.197.537.682
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.15	54.354.347.650	73.749.829.373
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.16	7.810.483.286	24.456.788.746
4. Phải trả người lao động	314		26.276.050.677	17.254.455.619
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.17	20.710.150.768	9.008.575.276
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.19a	56.899.474.317	46.571.471.850
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.20a	32.670.117.642	73.364.706.590
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.22	1.295.548.030	487.001.591
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		91.424.168.502	27.935.117.511
1. Phải trả người bán dài hạn	331	V.14b	32.608.788.802	15.262.580.255
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.18	202.250.000	202.250.000
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.19b	1.000.000.000	2.000.000.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.20b	9.239.322.850	10.470.287.256
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342	V.21	48.373.806.850	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		247.674.127.260	242.008.301.018
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.23	247.674.127.260	242.008.301.018
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		115.531.050.000	115.531.050.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		115.531.050.000	115.531.050.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		34.366.527.623	34.366.527.623
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		67.247.066.956	55.674.562.431
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		30.529.482.681	36.436.160.964
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	36.436.160.964
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		30.529.482.681	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		618.361.263.655	619.033.785.256

Người lập biểu

Phạm Thị Dung

Kế toán trưởng

Trần Văn Ngự

Lập, ngày 25 tháng 8 năm 2015

Tổng Giám đốc



Lê Văn Tuấn

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành p
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

Lũy kế từ đầu năm tới cuối kỳ này

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm tới cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	431.722.883.893	355.320.290.395
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	384.619.736
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		431.722.883.893	354.935.670.659
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	388.604.450.426	301.658.978.436
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		43.118.433.467	53.276.692.223
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	15.011.086.467	8.157.629.928
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	15.279.588.300	6.415.452.920
Trong đó: chi phí lãi vay	23		2.644.545.095	5.169.187.708
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	10.356.304.549	38.723.126.117
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		32.493.627.085	16.295.743.114
11. Thu nhập khác	31	VI.6	891.875.170	310.393.693
12. Chi phí khác	32	VI.7	911.734.208	1.206.657.301
13. Lợi nhuận khác	40		(19.859.038)	(896.263.608)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		32.473.768.047	15.399.479.506
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		1.944.285.366	248.366.763
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>30.529.482.681</u>	<u>15.151.112.743</u>

Người lập biểu

Phạm Thị Dung

Kế toán trưởng

Trần Văn Ngự

Lập, ngày 25 tháng 8 năm 2015

Tổng Giám đốc



Lê Văn Tuấn

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		32.473.768.047	15.399.479.506
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		6.189.857.008	5.500.962.517
- Các khoản dự phòng	03		49.333.089.481	20.030.198.732
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	(38.641)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(14.630.061.668)	(7.565.654.545)
- Chi phí lãi vay	06		2.644.545.095	5.169.187.708
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		76.011.197.963	38.534.135.277
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		2.969.505.548	(57.648.951.303)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(12.766.714.102)	(9.528.417.527)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(20.707.750.000)	8.100.774.560
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		1.198.662.138	(370.907.639)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(2.768.667.040)	(5.335.798.850)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(6.603.603.949)	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(1.874.189.800)	(305.600.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		35.458.440.758	(26.554.765.482)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(5.241.392.300)	(3.799.249.270)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	306.318.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(8.714.300.000)	(4.170.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		14.630.061.668	7.500.000.000
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		674.369.368	(162.931.270)

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		22.002.192.359	108.681.134.987
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(63.927.745.713)	(113.708.435.867)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(11.210.167.250)	(457.760.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(53.135.720.604)	(5.485.060.880)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(17.002.910.478)	(32.202.757.632)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	47.370.856.667	47.989.591.649
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	38.641
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	30.367.946.189	15.786.872.658

Người lập biểu

Phạm Thị Dung

Kế toán trưởng

Trần Văn Ngự

Lập, ngày 25 tháng 8 năm 2015



Tổng Giám đốc

Lê Văn Tuấn

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, Km10 đường Trần Phú, Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Sông Đà 11 (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là Sản xuất – xây dựng.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Xây dựng các Công trình thủy điện, thủy lợi, giao thông buru điện; Quản lý, vận hành, phân phối điện nước cho các công trình; Sản xuất kinh doanh kim khí, các sản phẩm về cơ khí, quản lý và kinh doanh bán điện; Xây lắp, thí nghiệm, hiệu chỉnh, bảo dưỡng, lắp ráp tủ bảng điện công nghiệp cho đường dây, nhà máy điện, trạm biến áp và các dây chuyền công nghệ có cấp điện áp đến 500KV; Khai thác cát sỏi, đá làm đường và xây dựng.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Theo nghị quyết 94/NQ-HĐQT về Phê duyệt phương án đầu tư góp vốn vào BDS theo hình thức chuyển công nợ thành vốn góp điều lệ, năm 2015 Công ty đã chuyển 20 tỷ đồng công nợ phải thu thành vốn góp điều lệ vào Công ty Cổ phần Thủy điện Bát Đại Sơn. Đến thời điểm 30/6/2015 Công ty Cổ phần Thủy điện Bát Đại Sơn là công ty liên kết của Công ty.

6. Cấu trúc Công ty

Các Công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH MTV Sông Đà 11 Thăng Long	BT3-Vị trí 24, KĐT Xa La, phường Phúc La, Hà Đông, Hà Nội	Xây dựng công trình điện	100%	100%	100%
Công ty Cổ phần Thủy điện To Bùng	Bản Tin Tộc, xã Tú Nang, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La	Sản xuất điện thương phẩm	36,03%	65,28%	70%

Các Công ty liên doanh, liên kết

Công ty chỉ đầu tư vào Công ty Cổ phần Thủy điện Bát Đại Sơn có trụ sở chính tại Số nhà 182, đường Trần Hưng Đạo, tổ 5, phường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang. Hoạt động kinh doanh chính của công ty liên kết này là sản xuất điện thương phẩm. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tỷ lệ vốn góp của Công ty tại công ty liên kết này là 45,89%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ phần sở hữu tương đương với tỷ lệ vốn góp.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, Km10 đường Trần Phú, Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Các Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Sông Đà 11 thuộc Công ty Cổ phần Sông Đà 11 tại Sơn La	Tiểu khu 6, thị trấn Ít Ong, huyện Mường La, tỉnh Sơn La, Việt Nam
Chi nhánh Công ty Cổ phần Sông Đà 11.5	Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam
Chi nhánh Công ty Cổ phần Sông Đà 11.7	Thôn Tân Sơn, xã Hòa Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình, Việt Nam
Chi nhánh Công ty Cổ phần Sông Đà 11 tại Miền Nam	Lô 74-76C, KP3, phường Long Bình Tân, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
Nhà Máy thủy điện Thác Trắng	Xã Nà Nhạn, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên

7. **Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính**

Như đã trình bày tại thuyết minh số III.1, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Công ty đã trình bày lại các số liệu so sánh do vậy các số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 so sánh được với số liệu tương ứng cùng kỳ năm trước.

8. **Nhân viên**

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty có 1.146 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 1.222 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Chế độ kế toán áp dụng**

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/209/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư này có hiệu lực áp dụng cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Thông tư này và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, Km10 đường Trần Phú, Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

3. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo qui định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị hợp lý thấp hơn giá gốc. Giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc được giao dịch trên sàn UPCOM là giá đóng cửa tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Trường hợp tại ngày kết thúc kỳ kế toán thị trường chứng khoán hay sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, Km10 đường Trần Phú, Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên doanh, liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết. Nếu công ty con, công ty liên doanh, liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, Km10 đường Trần Phú, Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.
- Chi phí sản xuất kinh doanh cuối kỳ được xác định cho từng công trình như sau:
 - + Đối với công trình đấu thầu, Công ty xác định được giá thành nội bộ:

$$\text{Chi phí sản xuất kinh doanh cuối kỳ} = \text{Chi phí sản xuất kinh doanh đầu năm} + \text{Chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ} - \text{Giá vốn hàng bán trong kỳ}$$

Trong đó:

$$\text{Giá vốn hàng bán trong kỳ} = \frac{\text{Giá thành nội bộ}}{\text{Tổng doanh thu}} \times \text{Doanh thu ghi nhận trong kỳ}$$

+ Đối với các công trình khác

$$\text{Chi phí sản xuất kinh doanh cuối kỳ} = \text{Giá trị sản lượng cuối kỳ} - \text{Thu nhập chịu thuế tính trước} - \text{Các khoản phụ phí (nếu có)} - \text{Chi phí quản lý ước tính} - \text{Lãi vay ước tính nếu có}$$

Giá gốc của hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, Km10 đường Trần Phú, Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

Chi phí bóc phủ khai thác đá

Chi phí bóc phủ khai thác đá bao gồm các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến việc bóc hết lớp đất phủ trên mỏ đá của Chi nhánh Công ty Cổ phần Sông Đà 11.7 trước khi Chi nhánh chính thức hoạt động khai thác đá xây dựng. Các chi phí này được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 05 năm kể từ khi Chi nhánh bắt đầu hoạt động khai thác đá.

7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	6 – 25
Máy móc và thiết bị	3 – 8
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	5 – 8
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 – 5

8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, Km10 đường Trần Phú, Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ..., quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

Giá trị lợi thế kinh doanh và Thương hiệu Sông Đà

Giá trị lợi thế kinh doanh của Công ty và giá trị thương hiệu Sông Đà được ghi nhận khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng với thời gian là 10 năm.

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

10. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

11. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được một ước tính đáng tin cậy.

Các khoản dự phòng phải trả của Công ty bao gồm:

Dự phòng bảo hành công trình xây dựng

Dự phòng bảo hành công trình xây dựng được lập cho từng công trình xây dựng có cam kết bảo hành.

Mức trích lập dự phòng bảo hành bằng 2,5 - 5% trên doanh thu công trình xây lắp có yêu cầu bảo hành. Tỷ lệ này được ước tính dựa trên tỷ lệ giữ lại bảo hành theo điều khoản hợp đồng xây dựng. Khi hết thời gian bảo hành, khoản dự phòng bảo hành công trình xây dựng không sử dụng hoặc sử dụng không hết được ghi nhận vào thu nhập khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, Km10 đường Trần Phú, Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

12. **Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

13. **Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

14. **Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, Km10 đường Trần Phú, Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

15. Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì: Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

16. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

17. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và qui định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

18. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty là thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, Km10 đường Trần Phú, Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

20. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

21. Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, Km10 đường Trần Phú, Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	2.083.895.765	1.375.760.153
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	28.284.050.424	45.995.096.514
Cộng	<u>30.367.946.189</u>	<u>47.370.856.667</u>

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty bao gồm chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

2a. Chứng khoán kinh doanh

	<u>Số cuối kỳ</u>			<u>Số đầu năm</u>		
	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị hợp lý</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị hợp lý</u>	<u>Dự phòng</u>
Cổ phiếu						
Công ty Tài chính Cổ phần Sông Đà	10.000.000.000	5.600.000.000	(4.400.000.000)	10.000.000.000	6.660.000.000	(3.340.000.000)
Công ty Cổ phần Thủy điện Cao Nguyên - Sông Đà 7	5.952.000.000	5.546.513.263	(405.486.737)	5.952.000.000	5.952.000.000	-
Công ty Cổ phần Sông Đà - Hà Nội	1.797.000.000	485.190.000	(1.311.810.000)	1.797.000.000	808.650.000	(988.350.000)
Cộng	<u>17.749.000.000</u>	<u>11.631.703.263</u>	<u>(6.117.296.737)</u>	<u>17.749.000.000</u>	<u>13.420.650.000</u>	<u>(4.328.350.000)</u>

Tình hình biến động dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số đầu năm	(4.328.350.000)	(570.000.000)
Trích lập dự phòng bổ sung	(1.788.946.737)	-
Hoàn nhập dự phòng	-	225.000.000
Số cuối kỳ	<u>(6.117.296.737)</u>	<u>(345.000.000)</u>

2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	<u>Số cuối kỳ</u>			<u>Số đầu năm</u>		
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị hợp lý</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị hợp lý</u>
Đầu tư vào công ty con						
Công ty TNHH MTV Sông Đà 11 Thăng Long ⁽ⁱ⁾	47.381.773.480	-	47.381.773.480	47.381.773.480	-	47.381.773.480
Công ty Cổ phần Thủy điện To Bùng ⁽ⁱⁱ⁾	22.870.000.000	-	22.870.000.000	22.870.000.000	-	22.870.000.000
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết						
Công ty Cổ phần Thủy điện Bát Đại Sơn ⁽ⁱⁱⁱ⁾	28.714.300.000	(9.213.274.848)	19.501.025.152	-	-	-
Cộng	<u>98.966.073.480</u>	<u>(9.213.274.848)</u>	<u>89.752.798.632</u>	<u>70.251.773.480</u>	<u>-</u>	<u>70.251.773.480</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, Km10 đường Trần Phú, Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

- (i) Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 0106408857 ngày 31 tháng 12 năm 2013 thì Công ty đầu tư vào Công ty TNHH MTV Sông Đà 11 Thăng Long là 50 tỷ tương đương 100% vốn điều lệ.
- (ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5500378582, đăng ký thay đổi lần thứ 5, ngày 04 tháng 9 năm 2013 của Công ty Cổ phần Thủy điện To Bông do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sơn La cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Thủy điện To Bông 42.000.000.000 VND, tương đương 70% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty nắm giữ 2.162.000 cổ phiếu, tương đương 54,57% vốn thực góp của Công ty Cổ phần Thủy điện To Bông. Vốn điều lệ còn phải đầu tư là 20.380.000.000 VND tương đương với 2.038.000 cổ phiếu.
- (iii) Theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5100237354, đăng ký thay đổi lần 6 ngày 11 tháng 02 năm 2015 của Công ty Cổ phần Thủy điện Bát Đại Sơn do sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Giang cấp, công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Thủy điện Bát Đại Sơn 20.000.000.000 VND tương đương 2.000.000 cổ phần, chiếm 31,46% vốn điều lệ. Trong kỳ, Công ty đã mua lại toàn bộ cổ phần của Công ty Tài chính Cổ phần Điện Lực tại Công ty Cổ phần Thủy điện Bát Đại Sơn là 871.430 cổ phần tương ứng với 13,71% vốn điều lệ theo hợp đồng mua bán chứng khoán chưa niêm yết số 02/2015/MBCK/EVNFC-ĐT ngày 06 tháng 02 năm 2015. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty nắm giữ 2.871.430 cổ phần tương đương 45,89% vốn thực góp của Công ty Cổ phần Thủy điện Bát Đại Sơn.

Tình hình hoạt động của các công ty con, công ty liên doanh, liên kết

Công ty cổ phần Thủy điện To Bông hiện đang trong giai đoạn đầu tư xây dựng nhà máy thủy điện, chưa đi vào hoạt động sản xuất, kinh doanh. Các công ty con khác và công ty liên doanh, liên kết đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số đầu năm	-	-
Trích lập dự phòng	(9.213.274.848)	-
Số cuối kỳ	<u>(9.213.274.848)</u>	<u>-</u>

Giao dịch với các công ty con và công ty liên doanh, liên kết

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với các công ty con và công ty liên doanh, liên kết như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty Cổ phần Thủy điện To Bông		
Ứng trước về giá trị công trình xây dựng	3.232.495.559	11.483.347.300
Cho vay vốn lưu động	-	500.000.000
Góp vốn điều lệ	-	4.170.000.000
Doanh thu hoạt động xây dựng	22.865.269.393	-
Công ty TNHH MTV Sông Đà 11 Thăng Long		
Doanh thu bán vật tư, thu phí tiếp địa	1.522.675.000	120.787.278
Doanh thu cước vận chuyển	304.327.818	-
Chi phí xây lắp hoàn thành	30.224.269.349	11.543.023.155
Cổ tức được chia	14.451.776.705	7.500.000.000
Doanh thu bán thanh lý tài sản cố định	-	306.318.100
Thu phí bảo lãnh thực hiện hợp đồng	158.756.376	226.320.778
Công ty Cổ phần Thủy điện Bát Đại Sơn		
Chuyển công nợ phải thu thành vốn góp	20.000.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, Km10 đường Trần Phú; Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

3. Phải thu của khách hàng

3a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	36.597.510.417	47.429.417.973
Tổng Công ty Sông Đà	18.516.183.168	19.498.274.735
Công ty Cổ phần Sông Đà 11 Thăng long	334.760.600	
Công ty Cổ phần Thủy điện To Buông	10.877.837.363	
Công ty Cổ phần Thủy điện Bát Đại Sơn	2.974.493.507	23.174.493.507
Công ty Cổ phần thủy điện Nậm He	1.326.185.000	1.326.185.000
Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long	613.738.278	732.354.681
Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà	588.835.733	253.298.463
Công ty Cổ phần Sông Đà 4	280.645.361	64.265.846
Công ty Cổ phần Sông Đà Hà Nội	239.798.748	
Công ty Cổ phần Sông Đà 10	236.383.900	438.419.162
Công ty Cổ phần Sông Đà 9	176.547.158	365.372.599
Công ty Cổ phần Sông Đà 5	143.538.159	1.288.190.538
Công ty Cổ phần Cơ khí lắp máy Sông Đà	105.281.701	105.281.701
Công ty Cổ phần Sông Đà 8	87.826.656	87.826.656
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Chiến	50.668.981	50.668.981
Công ty TNHH MTV kỹ thuật công nghệ Someco	44.786.104	44.786.104
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	204.628.796.094	238.865.447.368
BQL Dự án các Công trình điện Miền Bắc	51.253.675.180	51.274.976.980
BQL Dự án các Công trình điện Miền Nam	40.182.232.488	46.250.857.367
Công ty TNHH MTV Xây lắp điện 2	25.644.610.219	-
BQL Dự án các Công trình điện Miền Trung	13.792.622.714	18.393.484.907
Công ty Cổ phần Cơ khí thiết bị điện Hà Nội	17.642.175.858	17.642.175.858
BQL Dự án lưới điện Thành phố Hồ Chí Minh	9.579.929.837	23.783.662.834
Công ty Cổ phần Thủy điện Đakđrinh	6.155.390.904	16.583.979.086
Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na	1.237.149.500	5.326.459.854
Công ty Cổ phần Phát triển năng lượng Sơn Vũ	4.522.257.210	4.522.257.210
Công ty Cổ phần Thủy điện Cao Nguyên-Sông Đà 7	7.399.384.537	9.873.227.593
BQL Dự án Nhiệt điện 1	-	13.054.802.996
Phải thu khách hàng khác	27.219.367.647	32.159.562.683
Cộng	241.226.306.511	286.294.865.341

3b. Phải thu dài hạn của khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	33.085.227.375	9.480.126.711
Ban quản lý dự án các công trình điện Miền Bắc	9.546.986.570	9.480.126.711
Ban quản lý dự án các công trình điện Miền Trung	7.557.547.020	-
Công ty Cổ phần Thủy điện Đakđrinh	4.730.622.712	-
BQL Dự án lưới điện Thành phố Hồ Chí Minh	1.629.140.737	-
Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na	4.089.310.354	-
Công ty Cổ phần Thủy điện Cao Nguyên - Sông Đà 7	1.432.126.099	-
Các khách hàng khác	4.099.493.883	-
Cộng	33.085.227.375	9.480.126.711

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, Km10 đường Trần Phú, Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>	<i>3.644.554.565</i>	<i>6.706.372.875</i>
Công ty TNHH MTV Sông Đà 11 Thăng Long	3.644.554.565	6.706.372.875
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	<i>10.925.395.231</i>	<i>15.610.196.816</i>
Công ty Đông Anh HyunDai	2.808.515.268	-
Công ty NingBo Huaxiang Import and Export	1.109.606.457	-
Công ty Cổ phần Xây lắp & Dịch vụ Sông Đà	1.109.577.381	1.109.577.381
Công ty Cổ phần Đầu tư XL điện Sông Đà (TNC)	1.077.538.941	1.077.538.941
Công ty TNHH Bê tông đúc sẵn & CK Bình Dương	-	3.424.308.453
Công ty Văn Tiến Dũng	-	699.930.000
Công ty TNHH MTV Hùng Việt Phát Na	534.979.632	3.572.809.295
Các nhà cung cấp khác	4.285.177.552	5.726.032.746
Cộng	<u>14.569.949.796</u>	<u>22.316.569.691</u>

5. Phải thu ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>4.451.776.705</i>	-	-	-
Công ty TNHH MTV Sông Đà 11 Thăng Long - Tiền lợi nhuận được chia	4.451.776.705	-	-	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>25.684.175.882</i>	-	<i>22.764.781.612</i>	-
Ký cược, ký quỹ	967.789.800	-	42.500.000	-
Tạm ứng	10.859.721.720	-	8.363.555.585	-
Phải thu của CBCNV	1.405.679.100	-	1.638.316.666	-
Phải thu các đội công trình	2.088.449.454	-	214.830.461	-
Tiền cổ tức phải thu	695.750.000	-	695.750.000	-
Phải thu Sở tài chính tiền thuê đất được giảm	600.255.434	-	471.376.762	-
Phải thu tiền đền bù GPMB chi hộ chủ đầu tư	4.455.896.046	-	4.587.055.055	-
Phải thu tiền bảo hiểm chi hộ nhà thầu phụ	-	-	4.922.431.058	-
Thuế GTGT chưa được khấu trừ	198.909.444	-	-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	4.411.724.884	-	1.828.966.025	-
Cộng	<u>30.135.952.587</u>	-	<u>22.764.781.612</u>	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, Km10 đường Trần Phú, Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

6. Nợ xấu

	Thời gian quá hạn	Số cuối kỳ		Thời gian quá hạn	Số đầu năm	
		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
<i>Các bên liên quan</i>		3.338.729.284	1.487.246.753		23.538.729.284	3.678.148.680
Công ty Cổ phần Thù điện Bát Đại Sơn						
<i>Phải thu tiền khối lượng xây lắp</i>	<i>Trên 3 năm</i>	2.974.493.507	1.487.246.753	<i>Trên 3 năm</i>	23.174.493.507	3.678.148.680
Tổng Công ty Sông Đà						
<i>Phải thu tiền nước công trình Pleiku</i>	<i>Trên 3 năm</i>	364.235.777	-	<i>3 năm</i>	364.235.777	-
<i>Các tổ chức và cá nhân khác</i>		36.889.340.605	4.082.128.965		31.102.684.478	6.261.631.957
Công ty Cổ phần Cơ khí và thiết bị điện Hà Nội						
<i>Phải thu tiền khối lượng xây lắp</i>	<i>Trên 3 năm</i>	17.642.175.858	-	<i>Từ 2 đến 3 năm</i>	17.642.175.858	1.127.854.211
Công ty Cổ phần Phát triển năng lượng Sơn Vũ						
<i>Phải thu tiền khối lượng xây lắp</i>	<i>Trên 3 năm</i>	4.522.257.210	-	<i>Từ 2 đến 3 năm</i>	4.522.257.210	876.578.761
Công ty Cổ phần Linh Linh						
<i>Phải thu tiền khối lượng xây lắp</i>	<i>Trên 3 năm</i>	1.261.738.423	-	<i>3 năm</i>	1.261.738.423	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác		13.463.169.114	4.082.128.965		7.676.512.987	4.257.198.985
Cộng		40.228.069.889	5.569.375.718		54.641.413.762	9.939.780.637

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Nợ phải thu ngắn hạn	Nợ phải thu dài hạn	Cộng
Số đầu năm	(44.701.633.125)	-	(44.701.633.125)
Trích lập dự phòng bổ sung	(7.966.159.119)	-	(7.966.159.119)
Hoàn nhập dự phòng	18.009.098.073	-	18.009.098.073
Số cuối kỳ	(34.658.694.171)	-	(34.658.694.171)

7. Tài sản thiếu chờ xử lý

Là khoản tiền mặt thiếu khi kiểm kê tại chi nhánh Công ty Cổ phần Sông Đà 11.7

8. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi trên đường	12.500.000	-	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	4.006.780.096	-	15.485.353.584	-
Công cụ, dụng cụ	498.680.938	-	5.962.555.642	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	97.376.088.402	-	67.679.426.108	-
Cộng	101.894.049.436	-	89.127.335.334	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, Km10 đường Trần Phú, Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

9. Chi phí trả trước

9a. Chi phí trả trước ngắn hạn

Chi phí trả trước ngắn hạn là chi phí công cụ dụng cụ còn phải phân bổ.

9b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công cụ dụng cụ	591.614.630	1.801.699.094
Chi phí bóc phủ mỏ đá	231.382.935	327.909.087
Cộng	822.997.565	2.129.608.181

10. Phải thu dài hạn khác

Là khoản ký quỹ ký cược dài hạn

11. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	79.490.086.439	70.052.426.163	24.274.468.581	565.650.909	174.382.632.092
Tăng trong kỳ do mua sắm mới		5.207.550.000			5.207.550.000
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	79.490.086.439	75.259.976.163	24.274.468.581	565.650.909	179.590.182.092
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	413.956.007	5.749.446.807	10.980.041.303	491.150.909	17.634.595.026
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	24.247.630.695	31.908.289.253	18.368.021.440	519.513.286	75.043.454.674
Khấu hao trong kỳ	1.786.647.567	3.302.716.851	1.061.032.394	10.635.607	6.161.032.419
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	26.034.278.262	35.211.006.104	19.429.053.834	530.148.893	81.204.487.093
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	55.242.455.744	38.144.136.910	5.906.447.141	46.137.623	99.339.177.418
Số cuối kỳ	53.455.808.177	40.048.970.059	4.845.414.747	35.502.016	98.385.694.999

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 68.341.608.547 VND đã được thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay của Chi nhánh Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Điện Biên, Chi nhánh Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Đông Đô và Chi nhánh ngân hàng Đầu tư và Phát triển Hà Tây.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, Km10 đường Trần Phú, Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

12. Tài sản cố định vô hình

	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Lợi thế kinh doanh</u>	<u>Thương hiệu Sông Đà</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá				
Số đầu năm	486.620.000	729.470.426	1.000.000.000	2.216.090.426
Tăng trong kỳ	-	-	-	-
Số cuối kỳ	486.620.000	729.470.426	1.000.000.000	2.216.090.426
<i>Trong đó:</i>				
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	729.470.426	1.000.000.000	1.729.470.426
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	-	717.312.502	983.333.335	1.700.645.837
Khấu hao trong kỳ	-	12.157.924	16.666.665	28.824.589
Số cuối kỳ	-	729.470.426	1.000.000.000	1.729.470.426
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	486.620.000	12.157.924	16.666.665	515.444.589
Số cuối kỳ	486.620.000	-	-	486.620.000

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi phí phát sinh trong kỳ</u>	<u>Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ</u>	<u>Kết chuyển giảm khác</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Mua sắm tài sản cố định	-	5.207.550.000	(5.207.550.000)	-	-
Sửa chữa lớn tài sản cố định	126.320.000	160.162.300	-	(126.320.000)	160.162.300
Cộng	126.320.000	5.367.712.300	(5.207.550.000)	(126.320.000)	160.162.300

14. Phải trả người bán

14a. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả các bên liên quan	23.482.833.347	15.443.422.186
Công ty TNHH MTV Sông Đà 11 Thăng Long	14.946.743.663	11.528.058.230
Công ty Cổ phần Cơ khí lắp máy Sông Đà	4.453.868.782	2.894.466.265
Công ty Cổ phần Thép Việt Ý	2.461.017.600	-
Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Sông Đà	1.277.273.895	-
Công ty Cổ phần Thủy điện Cản Đơn	156.830.416	-
Tổng Công ty Sông Đà	89.771.935	266.916.678
Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà	47.508.259	150.255.124
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Đô thị Sông Đà	41.346.688	-
Công ty Cổ phần Thép Việt ý	8.472.109	8.472.109
Công ty TNHH MTV Sông Đà 17	-	211.948.780
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm He	-	383.305.000
Phải trả các nhà cung cấp khác	55.763.962.176	88.754.115.496
Công ty Cổ phần Kỹ Thuật Nn Mãng - XD Phía Nam	2.339.776.780	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Đại Dương	1.878.519.783	1.878.519.783
Công ty TNHH MTV Xây dựng Trần Hưng Phát	1.627.604.501	9.116.338.316

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, Km10 đường Trần Phú, Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Minh Bảo Quảng Ninh	1.198.819.928	3.075.212.115
Công ty TNHH XD&TM Nghĩa Tân	948.696.531	6.576.478.290
Công ty Cổ phần ĐT&PT Khánh Hưng	5.225.702.025	1.748.041.409
Công ty TNHH Bê tông đúc sẵn & CK Bình Dương	13.753.695.833	7.004.110.093
Các nhà cung cấp khác	28.791.146.795	59.355.415.490
Cộng	<u>79.246.795.523</u>	<u>104.197.537.682</u>

14b. Phải trả người bán dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>4.741.426.138</i>	<i>1.863.600.056</i>
Công ty Cổ phần Sông Đà 12	665.205.575	665.205.575
Công ty Cổ phần Sông Đà 25	1.490.000.157	-
Công ty TNHH MTV Sông Đà 11 Thăng Long	2.586.220.406	1.198.394.481
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	<i>27.867.362.664</i>	<i>13.398.980.199</i>
Công ty Cổ phần Xây dựng EVN quốc tế 1	4.362.314.732	3.788.357.133
Công ty TNHH BTDS & Cơ khí Bình Dương	6.831.819.133	3.160.380.136
Phải trả dài hạn nhà cung cấp khác	16.673.228.799	6.450.242.930
Cộng	<u>32.608.788.802</u>	<u>15.262.580.255</u>

15. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước của các bên liên quan</i>	<i>10.422.164.452</i>	<i>10.191.840.286</i>
Công ty Cổ phần Thủy điện To Bông	10.263.016.783	10.032.692.617
BĐH Dự án Xi măng Hạ Long	159.147.669	159.147.669
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>	<i>43.932.183.198</i>	<i>63.557.989.087</i>
BQL Dự án các công trình điện Miền Nam	19.181.230.163	33.644.252.160
BQL Dự án các công trình điện Miền Bắc	6.598.737.135	15.374.798.774
BQL Dự án các công trình điện Miền Trung	3.291.667.921	6.984.773.955
BQL ĐTPT các cụm, điểm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp	4.000.000.000	4.000.000.000
Các khách hàng khác	10.860.547.979	3.554.164.198
Cộng	<u>54.354.347.650</u>	<u>73.749.829.373</u>

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong kỳ</u>	<u>Số đã thực nộp trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	15.560.978.611	20.273.328.822	30.745.160.757	5.089.146.676
Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.603.603.949	1.944.285.366	6.603.603.949	1.944.285.366
Thuế thu nhập cá nhân	966.399.046	548.531.340	1.235.427.887	279.502.499
Thuế tài nguyên	306.566.286	768.516.801	835.174.097	239.908.990
Phí bảo vệ môi trường	788.010.039	376.267.713	1.137.868.812	26.408.940
Các loại thuế khác	108.654.445	9.000.000	9.000.000	108.654.445
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	122.576.370	-	-	122.576.370
Cộng	<u>24.456.788.746</u>	<u>23.919.930.042</u>	<u>40.566.235.502</u>	<u>7.810.483.286</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, Km10 đường Trần Phú, Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Hoạt động xây lắp, điện thương phẩm, đá thành phẩm, vật tư 10%
- Hoạt động cung cấp nước sạch 5%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 3758 ngày 07 tháng 06 năm 2005 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp, Công ty được hưởng ưu đãi thuế TNDN cho dự án đầu tư mở rộng tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn (Dự án đầu tư công trình Thủy điện Thác Trắng). Công ty áp dụng ưu đãi thuế theo điểm 6, điều 36 Nghị định số 24/2007/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật thuế Thu nhập doanh nghiệp: Dự án đầu tư thuộc ngành nghề, lĩnh vực quy định tại Danh mục B Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định 108/2006/NĐ-CP ngày 22 tháng 09 năm 2006 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đầu tư và thực hiện tại địa bàn quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này. Theo đó, Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp đối với thu nhập từ nhà máy thủy điện Thác Trắng trong 04 năm kể từ năm 2012 và giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 07 năm tiếp theo.

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 22%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	32.473.768.047	15.399.479.506
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	(14.097.655.388)	(6.434.388.443)
- Các khoản điều chỉnh tăng		
Tiền phạt thuế, BHXH	153.977.653	899.711.656
Thù lao HĐQT không điều hành	48.000.000	48.000.000
Chi phí không có chứng từ hợp lệ	-	53.405.062
Thuế GTGT không được khấu trừ	114.582.909	-
Chi phí khấu hao tài sản không được duyệt	37.560.755	37.560.755
Xử lý công nợ	-	26.934.084
- Các khoản điều chỉnh giảm		
Cổ tức, lợi nhuận được chia	(14.451.776.705)	(7.500.000.000)
Thu nhập chịu thuế	18.376.112.659	8.965.091.063
Thu nhập được miễn thuế	-	-
Lỗi các năm trước được chuyển	-	-
Thu nhập tính thuế	18.376.112.659	8.965.091.063
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	22%	22%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	4.042.744.785	1.972.320.034
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm	(2.098.459.419)	(1.890.525.920)
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	1.944.285.366	81.794.114
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước	-	166.572.649
Tổng Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	1.944.285.366	248.366.763

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, Km10 đường Trần Phú, Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Chi tiết thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ theo từng hoạt động như sau:

	Các hoạt động khác	Thủy điện Thác Trắng	Tổng Cộng
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	22.935.316.143	9.538.451.904	32.473.768.047
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:			
- Các khoản điều chỉnh tăng			
Tiền phạt thuế, BHXH	153.977.653	-	153.977.653
Thù lao HĐQT không điều hành	48.000.000	-	48.000.000
Thuế GTGT không được khấu trừ	114.582.909	-	114.582.909
Chi phí khấu hao tài sản không được duyệt	37.560.755	-	37.560.755
- Các khoản điều chỉnh giảm			
Cổ tức, lợi nhuận được chia	(14.451.776.705)	-	(14.451.776.705)
Thu nhập chịu thuế	8.837.660.755	9.538.451.904	18.376.112.659
Thu nhập được miễn thuế			
Thu nhập tính thuế	8.837.660.755	9.538.451.904	18.376.112.659
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	22%	22%	
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	1.944.285.366	2.098.459.419	4.042.744.785
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm		(2.098.459.419)	(2.098.459.419)
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	1.944.285.366		1.944.285.366
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước			
	-	-	-
Tổng Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	1.944.285.366	-	1.944.285.366

Thuế tài nguyên

Công ty phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác đá nguyên liệu với mức 5% giá tính thuế (x) sản lượng đá khai thác trong kỳ, hoạt động khai thác nước thiên nhiên dùng để sản xuất thủy điện với mức 4%/ giá tính thuế.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

17. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	183.000.000	-
Công ty Cổ phần Thủy điện To Bông - Chi phí lãi vay phải trả	183.000.000	-
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	20.527.150.768	9.008.575.276
Chi phí lãi vay phải trả	-	124.121.945
Trích trước chi phí công trình xây dựng	16.480.573.126	8.822.653.331
Chi phí vật tư	-	61.800.000
Chi phí thuê nhà văn phòng	80.400.000	-
Phí cấp quyền khai thác khoáng sản	3.786.177.642	-
Chi phí thuê ca máy	180.000.000	-
Cộng	20.710.150.768	9.008.575.276

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, Km10 đường Trần Phú, Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

18. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn

Là khoản phí ủy thác đầu tư vào Công ty Cổ phần Thủy điện Cao nguyên - Sông Đà 7

19. Phải trả khác

19a. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả các bên liên quan	2.639.168.025	3.859.142.173
Tổng Công ty Sông Đà - tiền Jurong Engineering Limited trả	2.112.966.780	2.112.966.780
Công ty TNHH MTV Sông Đà 11 Thăng Long - tiền vật tư	526.201.245	1.746.175.393
Phải trả các đơn vị và cá nhân khác	54.260.306.292	42.712.329.677
Kinh phí công đoàn	780.168.253	746.376.461
Bảo hiểm xã hội	1.159.301.738	633.255.866
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	12.291.183.723	395.140.973
Các quỹ phong trào từ thiện	598.191.412	574.619.025
Tiền ủy thác góp vốn của CBNV	2.022.500.000	2.022.500.000
Phải trả tiền đền bù hộ chủ đầu tư	2.442.400.739	1.323.352.980
Phải trả các đội tiền khoán công trình	32.644.278.006	35.599.396.735
Các khoản phải trả CBCNV	-	281.169.129
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	2.322.282.421	1.136.518.508
Cộng	56.899.474.317	46.571.471.850

19b. Phải trả dài hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác		
Nhận ký quỹ, ký cược	1.000.000.000	1.000.000.000
Phải trả dài hạn khác	-	1.000.000.000
Cộng	1.000.000.000	2.000.000.000

20. Vay và nợ thuê tài chính

20a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác	32.670.117.642	32.670.117.642	73.364.706.590	73.364.706.590
Vay ngắn hạn ngân hàng				
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây	5.909.245.479	5.909.245.479	30.331.749.359	30.331.749.359
Ngân hàng TMCP Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Láng Hạ	-	-	6.222.516.145	6.222.516.145
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Quang Trung	11.599.325.257	11.599.325.257	20.506.841.086	20.506.841.086
Vay ngắn hạn các tổ chức khác				
Công ty Cổ phần Thủy điện To Bông	4.000.000.000	4.000.000.000	4.000.000.000	4.000.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả				
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Điện Biên	8.841.546.906	8.841.546.906	8.830.000.000	8.830.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, Km10 đường Trần Phú, Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đông Đô	1.320.000.000	1.320.000.000	1.473.600.000	1.473.600.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây	1.000.000.000	1.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000
Cộng	32.670.117.642	32.670.117.642	73.364.706.590	73.364.706.590

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong kỳ như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay	Kết chuyển	Số tiền vay đã	Số cuối kỳ
		phát sinh trong kỳ	từ vay và nợ dài hạn	trả trong kỳ	
Vay ngắn hạn ngân hàng	57.061.106.590	18.146.609.859	-	(57.699.145.713)	17.508.570.736
Vay ngắn hạn các tổ chức khác	4.000.000.000	-	-	-	4.000.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	12.303.600.000	-	5.086.546.906	(6.228.600.000)	11.161.546.906
Cộng	73.364.706.590	18.146.609.859	5.086.546.906	(63.927.745.713)	32.670.117.642

20b. Vay dài hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Điện Biên ⁽ⁱ⁾	-	-	4.426.546.906	4.426.546.906
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Đông Đô ⁽ⁱⁱ⁾	4.579.862.697	4.579.862.697	5.239.862.697	5.239.862.697
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Tây ⁽ⁱⁱⁱ⁾	4.659.460.153	4.659.460.153	803.877.653	803.877.653
Cộng	9.239.322.850	9.239.322.850	10.470.287.256	10.470.287.256

(i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Điện Biên theo hai Hợp đồng tín dụng dài hạn là: Hợp đồng tín dụng dài hạn số 02/2004/HĐ-TDDH ngày 09/09/2004, thời hạn vay là 138 tháng, vay để nhập khẩu thiết bị nước ngoài và đầu tư các hạng mục xây lắp, thiết bị và các chi phí khác trực tiếp phục vụ sản xuất của DA Thủy điện Thác Trắng và hợp đồng tín dụng trung hạn số 02/2012/HĐTD, vay để thực hiện dự án đầu tư mua sàn tầng 7- Tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay.

(ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Đông Đô theo Hợp đồng tín dụng trung hạn số 02/2012/HĐTD, vay để thực hiện dự án đầu tư mua sàn tầng 7- Tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông.

(iii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Tây theo Hợp đồng tín dụng hạn số 01/2014/HĐTD ngày 14/5/2014, thời hạn vay 60 tháng, vay để thanh toán tiền mua máy móc thiết bị thuộc dự án đầu tư nâng cao năng lực xe máy thiết bị phục vụ thi công xây lắp.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, Km10 đường Trần Phú, Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 1 năm trở xuống	11.161.546.906	12.303.600.000
Trên 1 năm đến 5 năm	9.239.322.850	10.470.287.256
Trên 5 năm	-	-
Cộng	<u>20.400.869.756</u>	<u>22.773.887.256</u>

Chi tiết phát sinh của khoản vay dài hạn ngân hàng như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số đầu năm	10.470.287.256	19.970.009.603
Số tiền vay phát sinh	3.855.582.500	1.292.154.653
Kết chuyển sang nợ dài hạn đến hạn trả	(5.086.546.906)	-
Số cuối kỳ	<u>9.239.322.850</u>	<u>21.262.164.256</u>

Công ty không có các khoản vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán.

21. Dự phòng phải trả dài hạn

Là khoản dự phòng bảo hành công trình xây dựng được lập cho từng công trình xây dựng có cam kết bảo hành.

22. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng do trích lập từ lợi nhuận</u>	<u>Chi quỹ trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Quỹ khen thưởng	390.484.066	457.446.439	(366.000.000)	481.930.505
Quỹ phúc lợi	96.517.525	1.000.000.000	(282.900.000)	813.617.525
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	-	300.000.000	(300.000.000)	-
Cộng	<u>487.001.591</u>	<u>1.757.446.439</u>	<u>(948.900.000)</u>	<u>1.295.548.030</u>

23. Vốn chủ sở hữu

23a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	<u>Vốn góp của chủ sở hữu</u>	<u>Thặng dư vốn cổ phần</u>	<u>Cổ phiếu quỹ</u>	<u>Quỹ đầu tư phát triển</u>	<u>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</u>	<u>Cộng</u>
Số đầu năm trước	115.531.050.000	34.387.700.408	(128.058.585)	54.877.777.493	15.107.390.938	219.775.860.254
Lợi nhuận kỳ trước	-	-	-	-	15.151.112.743	15.151.112.743
Chia cổ tức	-	-	-	-	(13.857.606.000)	(13.857.606.000)
Trích lập các quỹ	-	-	-	796.784.938	(1.249.784.938)	(453.000.000)
Số dư cuối kỳ trước	<u>115.531.050.000</u>	<u>34.387.700.408</u>	<u>(128.058.585)</u>	<u>55.674.562.431</u>	<u>15.151.112.743</u>	<u>220.616.366.997</u>
Số dư đầu năm nay	115.531.050.000	34.366.527.623	-	55.674.562.431	36.436.160.964	242.008.301.018
Lợi nhuận kỳ này	-	-	-	-	30.529.482.681	30.529.482.681
Chia cổ tức	-	-	-	-	(23.106.210.000)	(23.106.210.000)
Trích lập các quỹ	-	-	-	11.572.504.525	(13.329.950.964)	(1.757.446.439)
Số dư cuối kỳ này	<u>115.531.050.000</u>	<u>34.366.527.623</u>	<u>-</u>	<u>67.247.066.956</u>	<u>30.529.482.681</u>	<u>247.674.127.260</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, Km10 đường Trần Phú, Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

23b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vốn đầu tư của Nhà nước (Tổng Công ty Sông Đà)	31.030.000.000	31.030.000.000
Vốn góp của các cổ đông, thành viên	84.501.050.000	84.501.050.000
Thặng dư vốn cổ phần	34.366.527.623	34.366.527.623
Cộng	<u>149.897.577.623</u>	<u>149.897.577.623</u>

23c. Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	11.553.105	11.553.105
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	11.553.105	11.553.105
- Cổ phiếu phổ thông	11.553.105	11.553.105
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	11.553.105	11.553.105
- Cổ phiếu phổ thông	11.553.105	11.553.105
- Cổ phiếu ưu đãi		

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

23d. Phân phối lợi nhuận

Trong kỳ Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2015 ngày 06 tháng 6 năm 2015 như sau:

	VND
• Chia cổ tức cho các cổ đông	: 23.106.210.000
• Trích quỹ đầu tư phát triển	: 11.572.504.525
• Quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng ban điều hành	: 1.757.446.439

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán điện thương phẩm	14.874.454.815	14.687.077.578
Doanh thu hợp đồng xây dựng	387.586.435.366	315.200.544.617
Doanh thu hoạt động kinh doanh khác	29.261.993.712	25.432.668.200
Cộng	<u>431.722.883.893</u>	<u>355.320.290.395</u>

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là công ty con, công ty liên doanh, liên kết như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng Công ty Sông Đà		
Doanh thu xây lắp thực hiện	14.812.321.515	13.634.945.282

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, Km10 đường Trần Phú, Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<i>Công ty Cổ phần Sông Đà 4</i>		
Doanh thu bán điện, nước	195.099.554	347.018.528
<i>Công ty Cổ phần Sông Đà 5</i>		
Doanh thu bán điện, nước	3.213.643.032	4.149.529.654
<i>Công ty Cổ phần Sông Đà 6</i>		
Doanh thu bán điện, nước	612.147.086	657.365.876
Doanh thu bán vật tư	5.622.536	-
<i>Công ty Cổ phần Sông Đà 9</i>		
Doanh thu bán điện, nước	637.731.672	748.779.950
Doanh thu bán vật tư	5.160.204	-
<i>Công ty Cổ phần Sông Đà 10</i>		
Doanh thu bán điện, nước	1.128.266.296	478.225.772
<i>Công ty Cổ phần Sông Đà 12</i>		
Doanh thu bán điện, nước	-	2.816.787
<i>Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà</i>		
Doanh thu bán điện, nước	5.500.530	120.591.220
<i>Công ty Cổ phần Sông Đà Hà Nội</i>		
Doanh thu bán điện, nước	397.176.006	-
<i>Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà</i>		
Doanh thu bán điện, nước	314.391.448	-
<i>Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Chiến</i>		
Doanh thu bán điện, nước	-	109.522.671
<i>Công ty Cổ phần thủy điện Nậm He</i>		
Doanh thu xây lắp thực hiện	-	3.826.809.091
<i>Công ty TNHH MTV Kỹ thuật Công nghệ Someco</i>		
Doanh thu bán điện, nước	-	30.451.116
<i>Công ty Cổ phần Cơ khí lắp máy Sông Đà</i>		
Doanh thu bán điện	-	24.740.442
<i>Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long</i>		
Doanh thu xây lắp thực hiện	54.658.227	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, Km10 đường Trần Phú, Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

2. Giá vốn hàng bán

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của điện thương phẩm đã cung cấp	3.657.741.049	3.866.229.861
Giá vốn của hoạt động xây dựng	352.072.092.648	274.345.614.263
Giá vốn của hoạt động kinh doanh khác	32.874.616.729	23.447.134.312
Cộng	388.604.450.426	301.658.978.436

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	149.288.764	101.416.108
Lãi tiền cho vay	178.284.963	19.020.549
Cổ tức, lợi nhuận được chia	14.451.776.705	7.500.000.000
Phí bảo lãnh	231.736.035	537.146.950
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	-	7.680
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	38.641
Cộng	15.011.086.467	8.157.629.928

4. Chi phí tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	2.644.545.095	5.169.187.708
Phí bảo lãnh	1.623.821.620	1.425.347.691
Phí cam kết tín dụng	9.000.000	45.909.600
Dự phòng/(Hoàn nhập) dự phòng giảm giá khoản đầu tư	11.002.221.585	(225.000.000)
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	-	7.921
Cộng	15.279.588.300	6.415.452.920

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	13.061.666.864	11.379.539.569
Chi phí vật liệu quản lý	980.381.348	1.310.070.376
Chi phí đồ dùng văn phòng	183.958.895	236.864.518
Chi phí khấu hao tài sản cố định	947.305.296	974.087.671
Thuế, phí và lệ phí	214.131.435	188.243.764
Dự phòng/(Hoàn nhập) dự phòng phải thu khó đòi	(10.042.938.954)	20.255.198.732
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.714.201.729	1.795.104.184
Các chi phí khác	3.297.597.936	2.584.017.303
Cộng	10.356.304.549	38.723.126.117

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, Km10 đường Trần Phú, Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

6. Thu nhập khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	-	306.318.000
Tiền bán vật tư	558.265.973	-
Tiền bán điện	327.628.952	-
Thu nhập khác	5.980.245	4.075.693
Cộng	891.875.170	310.393.693

7. Chi phí khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá trị còn lại tài sản cố định thanh lý	-	240.663.455
Chi phí vật tư đã bán	559.659.381	-
Tiền phạt chậm nộp BHXH, phạt thuế	153.977.653	899.711.656
Thuế GTGT không được khấu trừ	114.582.909	-
Phạt chậm tiến độ theo hợp đồng	21.784.300	-
Truy thu thuế	-	33.905.409
Xử lý công nợ	-	32.376.781
Chi phí khác	61.729.965	-
Cộng	911.734.208	1.206.657.301

8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	72.308.737.337	37.183.811.107
Chi phí nhân công	106.744.901.033	58.897.283.478
Chi phí khấu hao tài sản cố định	14.846.561.620	3.165.139.139
Chi phí dịch vụ mua ngoài	211.591.764.568	218.047.261.284
Chi phí khác	(6.531.209.583)	23.088.609.544
Cộng	398.960.754.975	340.382.104.552

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Các giao dịch không bằng tiền

Trong kỳ, Công ty đã góp vốn vào Công ty Cổ phần Thủy điện Bát Đại Sơn bằng chuyển công nợ phải thu tiền khối lượng xây dựng là 20.000.000.000 VND

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, Km10 đường Trần Phú, Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tiền lương	1.021.217.727	675.767.023
Phụ cấp	113.400.000	270.000.000
Cộng	1.134.617.727	945.767.023

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Tổng Công ty Sông Đà	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Sông Đà 11 - Thăng Long	Công ty con
Công ty Cổ phần Thủy điện To Bường	Công ty con
Công ty Cổ phần Thủy điện Bát Đại Sơn	Công ty liên kết
Các công ty con của Tổng Công ty Sông Đà	Công ty con của Cổ đông lớn

Giao dịch với các bên liên quan khác

Giao dịch phát sinh với các công ty con và công ty liên doanh, liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số V.2b. Các giao dịch phát sinh giữa Công ty với các bên liên quan khác không phải là công ty con và công ty liên doanh, liên kết như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng Công ty Sông Đà		
Chi phí dịch vụ - Văn phòng Tổng Công ty	-	49.090.910
Chi phí dịch vụ - Công trình thủy điện Lai Châu	49.830.048	-
Công ty Cổ phần Sông Đà 5		
Chi phí thuê máy và mua vật tư	-	4.580.540
Công ty Cổ phần Sông Đà 9		
Chi phí thuê máy và mua vật tư	45.934.916	23.181.345
Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà		
Chi phí thí nghiệm công trình	-	81.686.139
Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà		
Chi phí dịch vụ thí nghiệm	43.189.327	-
Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đơn		
Chi phí thuê truyền tải	142.573.105	130.618.489
Công ty Cổ phần Sông Đà 25		
Chi phí hoạt động xây dựng	1.683.312.614	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, Km10 đường Trần Phú, Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

Năm nay

Năm trước

Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển

Đô thị Sông Đà

Chi phí dịch vụ

257.503.666

-

Công ty Cổ phần Cơ khí lắp máy Sông Đà

Chi phí hoạt động xây dựng

4.480.308.001

-

Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long

Chi phí mua vật tư

144.040.255

-

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày trong các thuyết minh ở Mục V.

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh.

2a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực Xây lắp: Thực hiện thi công các công trình điện.
- Lĩnh vực khác: Bán điện thương phẩm, cung cấp điện nước tại các công trình, kinh doanh bán đá và cung cấp các dịch vụ khác.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	<u>Lĩnh vực xây lắp</u>	<u>Lĩnh vực khác</u>	<u>Cộng</u>
Kỳ này			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	387.586.435.366	44.136.448.527	431.722.883.893
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận			
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	387.586.435.366	44.136.448.527	431.722.883.893
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	35.514.342.718	7.604.090.749	43.118.433.467
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			(10.356.304.549)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			32.762.128.918
Doanh thu hoạt động tài chính			15.011.086.467
Chi phí tài chính			(15.279.588.300)
Thu nhập khác			891.875.170
Chi phí khác			(911.734.208)
Chi phí thuê thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(1.944.285.366)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			30.529.482.681
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	5.395.344.236	614.395.426	6.009.739.662
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	7.277.826.680	828.763.324	8.106.590.004

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, Km10 đường Trần Phú, Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

	Lĩnh vực xây lắp	Lĩnh vực khác	Cộng
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)			46.377.170.895
Kỳ trước			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	315.200.544.617	39.735.126.042	354.935.670.659
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận			
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	315.200.544.617	39.735.126.042	354.935.670.659
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	40.854.930.354	12.421.761.869	53.276.692.223
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			(38.723.126.117)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			14.553.566.106
Doanh thu hoạt động tài chính			8.157.629.928
Chi phí tài chính			(6.415.452.920)
Thu nhập khác			310.393.693
Chi phí khác			(1.206.657.301)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(248.366.763)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			15.151.112.743
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác			5.051.508.496
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn			6.604.227.141
Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:			
	Lĩnh vực xây lắp	Lĩnh vực khác	Cộng
Số cuối kỳ			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	403.958.277.225	52.374.824.503	456.333.101.728
Tài sản phân bổ cho bộ phận			
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận			162.028.161.927
Tổng tài sản			618.361.263.655
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	209.580.628.152	15.767.955.158	225.348.583.310
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận			
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận			145.338.553.085
Tổng nợ phải trả			370.687.136.395
Số đầu năm			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	355.933.100.158	26.282.077.556	382.215.177.714
Tài sản phân bổ cho bộ phận			
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận			236.818.607.542
Tổng tài sản			619.033.785.256
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	192.404.743.316	48.358.582.433	240.763.325.749
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận			
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận			136.262.158.489
Tổng nợ phải trả			377.025.484.238

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ

191
HI
CỔ
PH
TỔ
A
TA
/

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, Km10 đường Trần Phú, Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

3. Số liệu so sánh

2a *Áp dụng chế độ kế toán mới*

Như đã trình bày tại thuyết minh số III.1, từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Công ty đã trình bày lại các số liệu so sánh theo quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp mới này.

2b *Ảnh hưởng của việc áp dụng chế độ kế toán mới*

Ảnh hưởng của việc chế độ kế toán mới đến số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ như sau:

	<u>Mã số</u>	<u>Số liệu trước điều chỉnh</u>	<u>Các điều chỉnh</u>	<u>Số liệu sau điều chỉnh</u>	<u>Ghi chú</u>
<i>Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ</i>					
Phải thu ngắn hạn khác	136	14.358.726.027	8.406.055.585	22.764.781.612	
Tài sản thiếu chờ xử lý	139	-	50.000.000	50.000.000	
Tài sản ngắn hạn khác	155	8.456.055.585	(8.456.055.585)	-	
Quỹ đầu tư phát triển	418	49.305.095.143	6.369.467.288	55.674.562.431	

4. Quản lý rủi ro tài chính

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập.

4a. *Rủi ro tín dụng*

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng và cho vay.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị và cá nhân nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VIII.7 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, Km10 đường Trần Phú, Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	<u>Chưa quá hạn hoặc chưa bị giảm giá</u>	<u>Chưa quá hạn nhưng bị giảm giá</u>	<u>Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá</u>	<u>Cộng</u>
Số cuối kỳ				
Tiền và các khoản tương đương tiền	30.367.946.189	-	-	30.367.946.189
Chứng khoán kinh doanh	-	17.749.000.000	-	17.749.000.000
Phải thu khách hàng	234.083.463.997	-	40.228.069.889	274.311.533.886
Các khoản phải thu khác	17.071.386.889	-	-	17.071.386.889
Cộng	<u>281.522.797.075</u>	<u>17.749.000.000</u>	<u>40.228.069.889</u>	<u>339.499.866.964</u>
Số đầu năm				
Tiền và các khoản tương đương tiền	47.370.856.667	-	-	47.370.856.667
Chứng khoán kinh doanh	5.952.000.000	11.797.000.000	-	17.749.000.000
Phải thu khách hàng	241.133.578.290	-	54.641.413.762	295.774.992.052
Các khoản phải thu khác	12.076.702.138	-	-	12.076.702.138
Cộng	<u>306.533.137.095</u>	<u>11.797.000.000</u>	<u>54.641.413.762</u>	<u>372.971.550.857</u>

4b. *Rủi ro thanh khoản*

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh (bao gồm lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	<u>Từ 1 năm trở xuống</u>	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>	<u>Cộng</u>
Số cuối kỳ				
Vay và nợ	32.670.117.642	9.239.322.850	-	41.909.440.492
Phải trả người bán	79.246.795.523	32.608.788.802	-	111.855.584.325
Các khoản phải trả khác	80.233.614.438	1.000.000.000	-	81.233.614.438
Cộng	<u>192.150.527.603</u>	<u>42.848.111.652</u>	<u>-</u>	<u>234.998.639.255</u>
Số đầu năm				
Vay và nợ	73.364.706.590	10.470.287.256	-	83.834.993.846
Phải trả người bán	104.197.537.682	15.262.580.255	-	119.460.117.937
Các khoản phải trả khác	15.722.729.910	2.000.000.000	-	17.722.729.910
Cộng	<u>193.284.974.182</u>	<u>27.732.867.511</u>	<u>-</u>	<u>221.017.841.693</u>

Ban Tổng Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, Km10 đường Trần Phú, Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

4c. *Rủi ro thị trường*

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá chứng khoán và rủi ro giá nguyên vật liệu.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 và ngày 31 tháng 12 năm 2014 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá, lãi suất, giá chứng khoán, giá hàng hóa/nguyên vật liệu sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản vay có lãi suất thả nổi.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.

Các công cụ tài chính có lãi suất thả nổi của Công ty chỉ có các khoản vay với lãi suất thả nổi tại ngày kết thúc kỳ kế toán là 41.909.440.492 VND (số đầu năm là 83.834.993.846 VND).

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất các khoản vay VND có lãi suất thả nổi tăng/giảm 2% năm thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu kỳ này của Công ty sẽ giảm/tăng 292.366.570 VND (cùng kỳ năm trước giảm/tăng 1.614.941.563 VND).

Rủi ro về giá chứng khoán

Các chứng khoán do Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của chứng khoán đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá chứng khoán bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.

Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết của Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán là 6.085.190.000 VND (số đầu năm là 7.468.650.000 VND).

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của giá chứng khoán đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể do khoản đầu tư chứng khoán có giá trị nhỏ

Rủi ro về giá nguyên vật liệu

Công ty có rủi ro về sự biến động của giá nguyên vật liệu. Công ty quản lý rủi ro về giá nguyên vật liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

4d. *Tài sản đảm bảo*

Công ty không có tài sản tài chính thế chấp cho các đơn vị khác cũng như nhận tài sản thế chấp từ các đơn vị khác tại ngày 01 tháng 01 năm 2015 và tại ngày 30 tháng 6 năm 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, Km10 đường Trần Phú, Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)


5. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

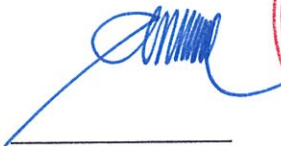
	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	30.367.946.189	47.370.856.667	30.367.946.189	47.370.856.667
Chứng khoán kinh doanh	17.749.000.000	17.749.000.000	11.631.703.263	13.420.650.000
Phải thu khách hàng	274.311.533.886	295.774.992.052	239.652.839.715	251.073.358.927
Các khoản phải thu khác	17.043.408.506	12.076.702.138	17.043.408.506	12.076.702.138
Cộng	339.471.888.581	372.971.550.857	298.695.897.673	323.941.567.732
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ	41.909.440.492	83.834.993.846	41.909.440.492	83.834.993.846
Phải trả người bán	111.855.584.325	119.460.117.937	111.855.584.325	119.460.117.937
Các khoản phải trả khác	81.233.614.438	17.722.729.910	81.233.614.438	17.722.729.910
Cộng	234.998.639.255	221.017.841.693	234.998.639.255	221.017.841.693

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính:

- Giá trị hợp lý của tiền, phải thu khách hàng, cho vay, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này.
- Giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá giao dịch công bố tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh chưa được niêm yết trên thị trường là giá trị sổ sách tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tập đoàn chưa thực hiện đánh giá chính thức chứng khoán kinh doanh chưa được niêm yết trên thị trường. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính này không có sự khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ.


Phạm Thị Dung
Người lập biểu


Trần Văn Ngự
Kế toán trưởng


Lê Văn Tuấn
Tổng Giám đốc

